

TarviEyes

GMP-WHO

Rx Prescription only

GMP-WHO

TarviEyes

Box of 10 blisters x 10 softgels

Retinyl palmitate

Chondroitin sulfate sodium

Choline bitartrate

Thiamine hydrochloride

Riboflavin



100 SOFTGELS

Thành phần/ Composition:

Mỗi viên nang mềm chứa/ Each softgel contains:

Natri chondroitin sulfat.....100 mg
Vitamin A (Retinyl palmitat)..... 2500 IU
Cholin bitartrat.....25 mg
Vitamin B₁ (Thiamin hydroclorid).....20 mg
Vitamin B₂ (Riboflavin).....5 mg
Tá dược vđ/ Excipients q.s.f.....1 viên/ 1 softgel

Bảo quản/ Storage: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C/ Store in a dry place, below 30°C.

Tiêu chuẩn chất lượng/ Specifications:
TCCS/ Manufacturer's.

SĐK (Reg.No):

Số lô SX (Lot.No):

NSX (Mfg.Date):

HD (Exp.Date):



Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác / Indications, administration, contraindications and other information:

Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo/ See the package insert inside.

Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Keep out of reach of children. Carefully read the accompanying instructions before use.



Cơ sở sản xuất/ Manufacturer:
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
HA TAY PHARMACEUTICAL J.S.C
Tổ dân phố số 4, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội/ Population Groups No. 4, La Khe Ward, Hà Dong District, Ha Noi City.

Rx Thuốc kê đơn

GMP-WHO

TarviEyes

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm

Retinyl palmitat

Natri chondroitin sulfat

Cholin bitartrat

Vitamin B₁

Vitamin B₂



100 VIÊN NANG MỀM



TarviEyes

GMP-WHO

Thành phần/ Composition:

Mỗi viên nang mềm chứa/ Each softgel contains:

Natri chondroitin sulfat.....100 mg
Vitamin A (Retinyl palmitat).....2500 IU
Cholin bitartrat.....25 mg
Vitamin B₁ (Thiamin hydroclorid).....20 mg
Vitamin B₂ (Riboflavin).....5 mg
Tá dược vd/ Excipients q.s.f.....1 viên/ 1 softgel

Bảo quản/ Storage: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C/
Store in a dry place, below 30°C.

Tiêu chuẩn chất lượng/ Specifications:
TCCS/ Manufacturer's.

SĐK (Reg.No):

Số lô SX (Lot.No):

NSX (Mfg.Date):

HD (Exp.Date):

R_X Thuốc kê đơn

TarviEyes

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang mềm

Retinyl palmitat
Natri chondroitin sulfat
Cholin bitartrat
Vitamin B₁
Vitamin B₂



GMP-WHO



30 VIÊN NANG MỀM

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác / Indications, administration, contraindications and other information:

Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo/
See the package insert inside.



Đề xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Keep out of reach of children. Carefully read the accompanying instructions before use.

Cơ sở sản xuất/ Manufacturer:

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

HA TAY PHARMACEUTICAL J.S.C

Tổ dân phố số 4, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội/

Population Groups No. 4, La Khe Ward, Ha Dong District, Ha Noi City

R_X Prescription only

TarviEyes

Box of 3 blisters x 10 softgels

Retinyl palmitate
Chondroitin sulfate sodium
Choline bitartrate
Thiamine hydrochloride
Riboflavin



GMP-WHO

GMP-WHO

TarviEyes

TarviEyes



Thành phần/ Composition:

Mỗi viên nang mềm chứa/ Each softgel contains:
Natri chondroitin sulfat.....100 mg
Vitamin A (Retinyl palmitat).....2500 IU
Cholin bitartrat.....25 mg
Vitamin B₁ (Thiamin hydroclorid).....20 mg
Vitamin B₂ (Riboflavin).....5 mg
Tã được vđ/ Excipients q.s.f.....1 viên/ 1 softgel

Bảo quản/ Storage: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C/
Store in a dry place, below 30°C.

Tiêu chuẩn chất lượng/ Specifications:
TCCS/ Manufacturer's.

SDK (Reg.No):
Số lô SX (Lot.No):
NSX (Mfg.Date):
HD (Exp.Date):

TarviEyes



GMP-WHO

Rx Thuốc kê đơn

TarviEyes

Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm

Retinyl palmitat
Natri chondroitin sulfat
Cholin bitartrat
Vitamin B₁
Vitamin B₂

60 VIÊN NANG MỀM



GMP-WHO



TarviEyes



Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác/ Indications, administration, contraindications and other information: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo/ See the package insert inside.

Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Keep out of reach of children. Carefully read the accompanying instructions before use.



Cơ sở sản xuất/ Manufacturer:
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY / HA TAY PHARMACEUTICAL J.S.C
Tổ dân phố số 4, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội/
Population Groups No. 4, La Khe Ward, Ha Dong District, Ha Noi City.

Rx Prescription only

GMP-WHO

TarviEyes

Box of 6 blisters x 10 softgels

Retinyl palmitate
Chondroitin sulfate sodium
Choline bitartrate
Thiamine hydrochloride
Riboflavin

60 SOFTGELS



TarViEyes

GMP-WHO



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Rx

1. Tên thuốc: TARVIEYES

2. Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc:

“Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc”

“Đề xa tầm tay trẻ em”

“Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”

3. Thành phần công thức thuốc: Mỗi viên nang mềm chứa:

Thành phần dược chất: Natri chondroitin sulfat.....100 mg
Vitamin A (Retinyl palmitat).....2500 IU
Cholin bitartrat.....25 mg
Vitamin B₁ (Thiamin hydroclorid).....20 mg
Vitamin B₂ (Riboflavin).....5 mg

Thành phần tá dược: Lecithin, dầu cọ, sáp ong trắng, aerosil, dầu đậu nành, polysorbat 80, gelatin, glycerin, dung dịch sorbitol 70%, nước tinh khiết, titan dioxyd, vanilin, nipagin, nipasol, patent blue V, chlorophylls, ethanol 90°.

4. Dạng bào chế: Viên nang mềm.

Mô tả dạng bào chế: Viên nang mềm hình elip, màu xanh. Viên khô cầm không dính tay, bên trong chứa hỗn hợp thuốc lỏng màu vàng.

5. Chỉ định:

Hỗ trợ điều trị một số bệnh lý về mắt liên quan đến thiếu vitamin như: tình trạng nhức mỏi, đau nhức mắt, chảy nước mắt, giảm thị lực (nhìn mờ, nhìn kém), chứng quáng gà, liệt điều tiết, yếu vận nhãn, các tổn thương viêm nhiễm về mắt, người sau khi phẫu thuật mắt.

6. Cách dùng, liều dùng:

* *Cách dùng:* Thuốc dùng đường uống.

* *Liều dùng:*

Liều thông thường cho người lớn: Uống 1 viên x 2 lần/ngày.

Trẻ em từ 12 tuổi trở lên: 1 viên/ngày.

Nên điều trị duy trì từng đợt, mỗi đợt ít nhất 4-6 tuần.

7. Chống chỉ định:

Người bị mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.

Người bệnh thừa vitamin A.

8. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

- Tuân theo đúng liều lượng và cách dùng.

- Ở trẻ em, dùng thuốc dưới sự giám sát của người lớn.

- Giữ thuốc tránh xa tầm tay trẻ em.

- Không nên dùng vitamin A quá 5000 IU mỗi ngày vì vitamin A cũng được cung cấp từ thức ăn hàng ngày.

- Bệnh nhân đang được điều trị bằng thuốc khác hoặc phụ nữ có thai nên hỏi ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ trước khi dùng thuốc.

Cảnh báo về thành phần tá dược:

- Thuốc có chứa nipagin, nipasol: Có thể gây ra phản ứng dị ứng.

- Thuốc có chứa dầu đậu nành nên không dùng cho người bị dị ứng với lạc hoặc đậu nành.

- Thuốc có chứa sorbitol:

+ Sorbitol có chứa fructose. Nếu bệnh nhân không dung nạp được một số loại đường hoặc nếu đã được chẩn đoán mắc chứng không dung nạp fructose di truyền (HFI), một chứng rối loạn di truyền hiếm gặp trong đó một người không thể phân hủy fructose, hãy thông báo với bác sỹ trước khi uống hoặc nhận thuốc này.



- + Sorbitol có thể gây khó chịu ở đường tiêu hóa và có tác dụng nhuận tràng nhẹ.
- Thuốc có chứa một lượng nhỏ ethanol, dưới 100mg ethanol/viên.

9. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

* **Phụ nữ có thai:** Tránh dùng vitamin A vượt quá 5000 IU (đơn vị quốc tế) mỗi ngày cho phụ nữ có thai vì có khả năng sinh quái thai.

* **Phụ nữ cho con bú:** Thuốc dùng được cho phụ nữ cho con bú.

10. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

Thuốc không gây buồn ngủ nên dùng được cho người vận hành máy móc tàu xe.

11. Tương tác, tương kỵ của thuốc:

* **Tương tác của thuốc:**

- Vitamin A: Neomycin, cholestyramin, parafin lỏng làm giảm hấp thu vitamin A. Các thuốc tránh thai có thể làm tăng nồng độ vitamin A trong huyết tương và có tác dụng không thuận lợi cho sự thụ thai. Cần tránh dùng đồng thời vitamin A với isotretinoin vì có thể dẫn đến tình trạng như dùng vitamin A quá liều.

- Vitamin B₂: Đã gặp một số ca "thiếu riboflavin" ở người đã dùng clopromazin, imipramin, amitriptilin và adriamycin. Rượu có thể gây cản trở hấp thu riboflavin ở ruột. Probenecid sử dụng cùng riboflavin gây giảm hấp thu riboflavin ở dạ dày, ruột.

- Vitamin B₁: Làm tăng cường tác dụng của acetylcholin nên một số phản ứng da có thể coi như phản ứng dị ứng.

- Natri chondroitin sulfat và cholin bitartrat: Chưa có tài liệu báo cáo.

* **Tương kỵ của thuốc:**

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

12. Tác dụng không mong muốn của thuốc:

- Thuốc có thể gây rối loạn tiêu hoá nhẹ: Buồn nôn, nôn.

- Tác dụng không mong muốn xảy ra khi dùng liều cao vitamin A:

+ Uống vitamin A dùng liều cao kéo dài có thể gây đến ngộ độc vitamin A. Các triệu chứng đặc trưng là: Mệt mỏi, dễ bị kích thích, chán ăn, sụt cân, nôn, rối loạn tiêu hoá, sốt, gan-lách to, da bị biến đổi, rụng tóc, tóc khô giòn, môi nứt nẻ và chảy máu, thiếu máu, nhức đầu, calci huyết cao, phù nề dưới da, đau ở xương khớp. Trẻ em các triệu chứng ngộ độc mạn tính bao gồm cả tăng áp lực nội sọ (thóp căng), phù gai mắt, ù tai, rối loạn thị giác, sưng đau dọc xương dài. Hầu hết các triệu chứng mất dần khi ngừng sử dụng thuốc. Uống vitamin A liều cao dẫn đến ngộ độc cấp với các dấu hiệu: buồn ngủ, chóng mặt, hoa mắt, buồn nôn, nôn, dễ bị kích thích, nhức đầu, mê sảng, co giật, ỉa chảy. Các triệu chứng xuất hiện sau khi uống thuốc từ 6 đến 24 giờ.

+ Khi thấy các triệu chứng ngộ độc phải ngừng sử dụng thuốc và xử trí theo chỉ dẫn của thầy thuốc.

- Tác dụng không mong muốn khi sử dụng riboflavin (vitamin B₂): Chưa có báo cáo. Tuy nhiên, khi sử dụng liều cao riboflavin thì nước tiểu sẽ chuyển màu vàng nhạt, gây sai lệch đối với một số xét nghiệm nước tiểu trong phòng thí nghiệm.

- Tác dụng không mong muốn khi sử dụng thiamin (vitamin B₁) bằng đường uống: rất hiếm.

- Natri chondroitin sulfat và cholin bitartrat: chưa có tài liệu báo cáo.

13. Quá liều và cách xử trí:

Quá liều: Vitamin A (dùng 100.000 IU/ngày x 10-15 ngày liền, hoặc phụ nữ có thai dùng quá 8000 IU/ngày) gây ngứa khô tóc, chán ăn buồn nôn.

Cách xử trí: Khi gặp phải những dấu hiệu và triệu chứng quá liều cần phải ngừng thuốc ngay và đến cơ sở y tế gần nhất.



14. Đặc tính dược lực học:

- Nhóm dược lý: Vitamin nhóm B kết hợp với các thành phần khác. Mã ATC: A11EX.
- Riboflavin được biến đổi thành 2 co - enzym là flavin mononucleotid (FMN) và flavin adenin dinucleotid (FAD), là các dạng co - enzym hoạt động cần cho sự hô hấp của mô. Riboflavin cũng cần cho sự hoạt hóa pyridoxin, sự chuyển tryptophan thành niacin, và liên quan đến sự toàn vẹn của hồng cầu.

Riboflavin ở dạng flavin nucleotid cần cho hệ thống vận chuyển điện tử và khi thiếu riboflavin, sẽ sần rám da, chốc mép, khô nứt môi, viêm lưỡi và viêm miệng. Có thể có những triệu chứng về mắt như ngứa và rát bỏng, sợ ánh sáng và rối loạn phân bố mạch ở giác mạc. Một số triệu chứng này thực ra là biểu hiện của thiếu các vitamin khác, như pyridoxin hoặc acid nicotinic do các vitamin này không thực hiện được đúng chức năng của chúng khi thiếu riboflavin. Thiếu riboflavin có thể xảy ra cùng với thiếu các vitamin B, ví dụ như ở bệnh pellagra.

- Thiamin thực tế không có tác dụng dược lý, thậm chí ở liều cao. Thiamin pyrophosphat, dạng thiamin có hoạt tính sinh lý, là coenzym chuyển hóa carbohydrat làm nhiệm vụ khử carboxyl của các alpha - cetoacid như pyruvat và alpha - cetoglutarat và trong việc sử dụng pentose trong chu trình hexose monophosphat.

- Vitamin A là vitamin tan trong dầu rất cần cho thị giác, cho sự tăng trưởng và cho sự phát triển và duy trì của biểu mô.

Trong thức ăn, vitamin A có từ 2 nguồn: Retinoid tạo sẵn có trong nguồn động vật như ở gan, thận, chế phẩm sữa, trứng (dầu gan cá là nguồn giàu nhất) và các carotenoid tiền vitamin có trong thực vật. Trong cơ thể, những chất này được chuyển thành retinol nhưng được sử dụng kém hơn. Carotenoid là những nguồn chính (trong đó caroten là chất có hoạt tính vitamin A mạnh nhất và có nhiều nhất trong thức ăn, đặc biệt là ở gấc, cà rốt và các rau quả có màu xanh sẫm hay màu vàng).

- Natri chondroitin sulfat một glycosaminoglycan tham gia vào cấu trúc tế bào, có trong thành phần của sợi đàn hồi các mạch máu lớn, chiếm tỉ lệ lớn trong các chất căn bản của mô sụn và xương, đảm bảo cho sụn, xương không những có độ chắc mà còn có tính đàn hồi cao. Chondroitin là nguyên liệu quan trọng trong quá trình tái tạo mô, sụn, xương, ngăn ngừa sự thoái hóa tế bào, duy trì tính đàn hồi của các cấu trúc có nhiều sợi đàn hồi tại các mô liên kết: gân, cơ, dây chằng. Ngoài ra, chondroitin còn tham gia các cấu trúc trong suốt và đàn hồi của mắt, duy trì các hoạt động sinh lý của mắt.

- Cholin và chất chuyển hóa của nó cần thiết cho 3 mục đích sinh lý chủ yếu là: toàn vẹn cấu trúc và vai trò truyền tín hiệu qua màng tế bào; tổng hợp acetyl cholin; và như là nguồn chính cung cấp nhóm methyl qua các chất chuyển hóa của nó.

Phối hợp cholin bitartrat, retinol palmitat, vitamin A, thiamin hydroclorid và riboflavin là các chất cần cho sự phát triển và duy trì biểu mô, khôi phục chức năng cơ thị giác, bảo vệ giác mạc và ngăn ngừa lão hóa mắt.

15. Đặc tính dược động học:

- Vitamin A: Sau khi đã được các enzym của tụy thủy phân thành retinol, các este của vitamin A được hấp thu ở ống tiêu hóa. Kém hấp thu mỡ, ăn thiếu protein, rối loạn chức năng gan hay chức năng tụy làm giảm hấp thu vitamin A. Một số retinol được dự trữ ở gan và từ đây được giải phóng vào máu dưới dạng gắn với một globulin đặc hiệu. Dự trữ vitamin A của cơ thể thường đáp ứng đủ cho nhu cầu cơ thể trong vài tháng.

Phần retinol tự do bị liên hợp glucuronic và bị oxy hóa thành retinal và acid retinoic rồi được đào thải qua nước tiểu và phân cùng với những chất chuyển hóa khác.



Nồng độ bình thường của vitamin A trong huyết tương là từ 300 đến 600 microgam/lít. Trong trường hợp thiếu vitamin A thì nồng độ thấp ≤ 100 microgam/lít, còn trong trường hợp quá liều hay ngộ độc thì nồng độ này cao hơn nhiều.

- Natri chondroitin sulfat: qua đường uống, nồng độ đỉnh huyết tương đạt được sau 6-8 giờ và duy trì nồng độ có thể phát hiện được trong 24 giờ. 50% - 60% được bài tiết qua nước tiểu dưới dạng mucopolysaccharid, một thành phần của mô sụn ở động vật có vú.

- Riboflavin: Sau khi uống, khoảng 60% FAD và FMN gắn vào protein huyết tương. Riboflavin là một vitamin tan trong nước, đào thải qua thận. Lượng đưa vào vượt quá sự cần thiết của cơ thể sẽ thải dưới dạng không đổi trong nước tiểu. Riboflavin còn thải theo phân. Ở người thừa phân màng bụng và lọc máu nhân tạo, riboflavin cũng được đào thải, nhưng chậm hơn ở người có chức năng thận bình thường. Riboflavin có đi qua nhau thai và đào thải theo sữa.

- Thiamin: Sự hấp thu thiamin trong ăn uống hàng ngày qua đường tiêu hóa là do sự vận chuyển tích cực phụ thuộc Na^+ . Khi nồng độ thiamin trong đường tiêu hóa cao sự khuếch tán thụ động cũng quan trọng. Tuy vậy, hấp thu liều cao bị hạn chế.

Ở người lớn, khoảng 1 mg thiamin bị giáng hóa hoàn toàn mỗi ngày trong các mô, và đây chính là lượng tối thiểu cần hàng ngày. Khi hấp thu ở mức thấp này, có rất ít hoặc không thấy thiamin thải trừ qua nước tiểu. Khi hấp thu vượt quá nhu cầu tối thiểu, các kho chứa thiamin ở các mô đầu tiên được bão hòa. Sau đó lượng thừa sẽ thải trừ qua nước tiểu dưới dạng phân tử thiamin nguyên vẹn. Khi hấp thu thiamin tăng lên hơn nữa, thải trừ dưới dạng thiamin chưa biến hóa sẽ tăng hơn.

- Cholin được hấp thụ ở ruột. Một phần được chuyển hóa ở ruột thành trimethylglycin và trimethylamin, sau đó được hấp thụ tại ruột.

Cholin được chuyển hóa tại gan. Tại gan, cholin được chuyển hóa bởi các phản ứng chuyển hóa, trong đó có sự tạo thành CDP-cholin, kết hợp diacylglycerol để tạo thành phosphatidycholin.

Cholin qua được hàng rào máu não bởi cơ chế các chất mang đặc biệt. Trong não, cholin được chuyển hóa thành acetylcholin bởi enzym cholin acetyltransferase. Cho một phần nhỏ choline được chuyển hóa thành acetylcholin. Ở thận cũng có sự tích lũy cholin. Một phần được bài tiết qua nước tiểu chủ yếu dưới dạng chất oxy hóa.

16. Quy cách đóng gói:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang mềm. Kèm theo tờ hướng dẫn sử dụng thuốc bên trong hộp.

Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm. Kèm theo tờ hướng dẫn sử dụng thuốc bên trong hộp.

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm. Kèm theo tờ hướng dẫn sử dụng thuốc bên trong hộp.

17. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc:

- Điều kiện bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.

- Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Tiêu chuẩn chất lượng của thuốc: TCCS.

18. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất:

Tên cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 024.33522203 FAX: 024.33522203

ĐT: 024.33824685 FAX: 024.33829054

Hotline: 024.33522525